

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021
hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

(Tiếp theo Công báo số 531 + 532)

Chương IV

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN

Mục 1

LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN

Điều 41. Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN và kết nối hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

1. Doanh nghiệp được lựa chọn là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN là doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

2. Điều kiện để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ thuế điện tử cung cấp cho người nộp thuế, đảm bảo các yêu cầu kết nối với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế và đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường mạng.

a) Về chủ thể: Có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin và giải pháp trao đổi dữ liệu điện tử giữa các tổ chức. Có tối thiểu 03 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

b) Về tài chính

Có đủ năng lực tài chính để thiết lập hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ và đáp ứng yêu cầu kỹ

thuật tại điểm d khoản này; Có ký quỹ tại một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam hoặc có giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam không dưới 5 tỷ đồng, hoặc mua bảo hiểm để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ T-VAN.

c) Về nhân sự

c.1) Có tối thiểu 05 nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin, đảm bảo có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, bảo mật hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, quản trị cơ sở dữ liệu, am hiểu pháp luật thuế.

c.2) Có nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi, kiểm tra 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết để duy trì hoạt động của hệ thống và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua T-VAN.

d) Về kỹ thuật

d.1) Có hệ thống thiết bị, kỹ thuật đảm bảo cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế và kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối của Tổng cục Thuế, đảm bảo hoạt động trực tuyến 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

d.2) Có hệ thống thiết bị, kỹ thuật dự phòng đặt tại trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20km sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố. Có các quy trình sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu; thời gian phục hồi dữ liệu tối đa 08 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố.

d.3) Có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy cập bất hợp pháp các hình thức tấn công trên môi trường mạng để đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia có biện pháp kiểm soát giao dịch với người nộp thuế và với cơ quan thuế.

đ) Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN có cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì phải đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử quy định tại các văn bản hiện hành.

3. Trình tự kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Doanh nghiệp nêu tại khoản 1 Điều này đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và cam kết kết nối với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế theo quy định của Tổng cục Thuế gửi văn bản đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế kèm theo các tài liệu, hồ sơ chứng minh hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn và đề án cung cấp dịch vụ T-VAN (sau đây gọi là tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN).

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị kết nối của tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra các tài liệu hồ sơ của tổ chức và có thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị kết nối, trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.

c) Kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp thuận đề nghị kết nối của tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện kết nối kỹ thuật với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và thông báo cho Tổng cục Thuế sau khi đã kết nối thành công để Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra thực tế việc đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối tại doanh nghiệp và ký Biên bản kiểm tra. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Thuế ký văn bản thỏa thuận với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là không đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Thuế có văn bản thông báo từ chối ký thỏa thuận và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra với kết quả là đạt, Tổng cục Thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận.

d) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi ký thỏa thuận, Tổng cục Thuế công bố công khai bổ sung danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Thay đổi, bổ sung thông tin cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc thông tin kết nối:

a) Trường hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, tổ chức cung cấp

dịch vụ T-VAN phải gửi văn bản kèm theo các tài liệu hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi đến Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp các thay đổi liên quan đến văn bản thỏa thuận đã ký thì hai bên phải ký phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung. Trường hợp các thay đổi liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật ảnh hưởng đến việc kết nối thì Tổng cục Thuế có thể kiểm tra lại thực tế tại doanh nghiệp về các tiêu chuẩn kết nối trước khi ký phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin và đầy đủ hồ sơ kèm theo (nếu có) hợp lệ, hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra với kết quả là đạt, Tổng cục Thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận bổ sung.

5. Ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN:

a) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN thì:

a.1) Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải gửi thông báo cho người nộp thuế có liên quan và Tổng cục Thuế bằng văn bản trước thời hạn tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ 30 ngày (trường hợp tạm ngừng phải ghi rõ thời điểm tạm ngừng và thời điểm dự kiến bắt đầu trở lại hoạt động).

a.2) Ngay sau khi nhận được thông báo tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

a.3) Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ thì hai bên ký văn bản chấm dứt thỏa thuận trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế nhận được thông báo tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Tổng cục Thuế chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong các trường hợp sau:

b.1) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp

luật thì kể từ thời điểm ban hành thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục Thuế chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b.2) Trường hợp qua kiểm tra Tổng cục Thuế phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b.3) Căn cứ vào mức độ vi phạm qua kiểm tra, cơ quan thuế có quyền tạm ngừng có thời hạn/chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b.4) Khi chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối, Tổng cục Thuế có văn bản gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được biết và thực hiện ngừng kết nối với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; Tổng cục Thuế thông báo cho người nộp thuế đang sử dụng dịch vụ T-VAN qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị Tổng cục Thuế chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối, đồng thời công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế về tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm, đã ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN. Đồng thời, Tổng cục Thuế gửi thông báo qua Cổng thông tin điện tử cho người nộp thuế đang thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị Tổng cục Thuế chủ động chấm dứt kết nối được biết.

c) Người nộp thuế đang giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN ngừng cung cấp dịch vụ được đăng ký để chuyển sang giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc đăng ký giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

Mục 2

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN

Điều 42. Thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Người nộp thuế được sử dụng dịch vụ T-VAN trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử.

2. Thủ tục đăng ký giao dịch điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Người nộp thuế lập tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN qua hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế.

b.1) Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo về tài khoản trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế. Người nộp thuế có trách nhiệm đổi mật khẩu tài khoản được cấp lần đầu và thay đổi mật khẩu ít nhất 03 (ba) tháng một lần để đảm bảo an toàn, bảo mật.

b.2) Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN của cơ quan thuế để hoàn chỉnh thông tin đăng ký, ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Thủ tục đăng ký nộp thuế điện tử:

Đối với trường hợp đăng ký nộp thuế điện tử, người nộp thuế sau khi hoàn thành đăng ký tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

4. Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử được cơ quan thuế cấp để thực hiện giao dịch thuế điện tử và tra cứu toàn bộ thông tin liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

5. Chứng từ điện tử của người nộp thuế gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đến cơ quan thuế phải có chữ ký số của người nộp thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Điều 43. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin trên Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện khai các thông tin thay đổi, bổ sung (theo mẫu số 02/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung cho người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin tài khoản nộp thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, người nộp thuế phải thực hiện đăng ký ngừng theo quy định tại Điều 44 và thực hiện thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Điều 42 Thông tư này.

Điều 44. Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Trường hợp ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện đăng ký (theo mẫu số 03/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) xác nhận ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN đến người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Kể từ thời điểm đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế được thực hiện đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc đăng ký qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

Mục 3
QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN
VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ, CƠ QUAN THUẾ

Điều 45. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế

Mối quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế được xác định trên cơ sở hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

b) Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

c) Thực hiện việc gửi, nhận đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

d) Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận; lưu giữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

đ) Bảo đảm kết nối, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.

e) Thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế trước 30 ngày kể từ ngày dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.

g) Có trách nhiệm gửi hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế đến cơ quan thuế và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ thuế điện tử của cơ quan thuế cho người nộp thuế đúng thời hạn theo quy định tại Thông tư này, trường hợp gửi không đúng quy định dẫn tới người nộp thuế bị chậm nộp hồ sơ theo quy định thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải chịu trách nhiệm với người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

h) Có trách nhiệm bồi thường cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật và theo hợp đồng dân sự giữa 2 bên trong trường hợp lỗi thuộc về tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN dẫn đến thiệt hại cho người nộp thuế.

2. Đối với người nộp thuế

a) Chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản ký kết trong hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ thuế điện tử của mình.

Điều 46. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với cơ quan thuế

Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện theo đúng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được cung cấp dịch vụ T-VAN cho người nộp thuế kể từ ngày Tổng cục Thuế công bố công khai danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Có trách nhiệm chuyển hồ sơ khai thuế điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất là 1 giờ/1 lần kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế; đối với các chứng từ điện tử khác thì phải thực hiện chuyển ngay đến cơ quan thuế.

c) Có trách nhiệm chuyên kết quả giải quyết hồ sơ thuế điện tử của cơ quan thuế cho người nộp thuế ngay sau khi nhận được kết quả từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan thuế khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

đ) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

e) Có trách nhiệm thiết lập kênh kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ, chủ động giải quyết và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp có lỗi của công thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện thông báo ngay cho người nộp thuế, cơ quan thuế để thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này.

g) Thực hiện báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với Tổng cục Thuế theo thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế.

2. Đối với cơ quan thuế.

a) Cơ quan thuế có quyền kiểm tra tại doanh nghiệp theo các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư này trong trường hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN nếu cơ quan thuế nhận được sự phản ánh của các cá nhân, đơn vị liên quan; hoặc cơ quan thuế phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Thiết lập, duy trì, đảm bảo kết nối Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp T-VAN.

c) Kiểm tra hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ và hoạt động đúng theo quy định.

d) Thực hiện hỗ trợ về nghiệp vụ thuế để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các giao dịch truyền nhận giữa người nộp thuế với cơ quan thuế; phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đào tạo cho người nộp thuế; hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn cho các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ.

đ) Cơ quan thuế gửi các thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế nêu tại Thông tư này đến hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2021.

2. Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 và Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Các quy định về quản lý thuế, về giao dịch điện tử không hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp các văn bản được đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung và thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung và thay thế.

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

1. Người nộp thuế nộp hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính của cơ quan thuế.

2. Trường hợp người nộp thuế đã thực hiện giao dịch thuế bằng phương thức điện tử trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được chuyển tiếp để thực hiện các thủ tục hành chính khác bằng phương thức điện tử và khai bổ sung thông tin theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Người nộp thuế không phải đăng ký lại với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

3. Tổ chức đã cung cấp dịch vụ T-VAN trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ T-VAN nếu vẫn đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định tại Thông tư này; trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi bổ sung thông tin, hồ sơ có liên quan đến Tổng cục Thuế theo quy định tại Thông tư này để được xem xét ký thỏa thuận bổ sung và phải hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định là 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

4. Các ngân hàng đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Thuế (hoặc với Tổng cục Thuế và KBNN) trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện nếu vẫn đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định tại Thông tư này; trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định thì ngân hàng phải hoàn thiện và gửi bổ sung thông tin, hồ sơ có liên quan đến Tổng cục Thuế để được xem xét ký thỏa thuận bổ sung theo quy định.

5. Việc tổ chức thực hiện giao dịch điện tử theo quy định của Thông tư này thực hiện theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính của cơ quan thuế.

Việc triển khai truyền, nhận, hạch toán thông tin thu, nộp NSNN theo “mã tham chiếu” được thực hiện khi Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản, Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế hoàn thành việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng theo quy định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hạch toán thu NSNN, trao đổi, đối chiếu và hạch toán thu NSNN của Kho bạc nhà nước, cơ quan thuế, ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Trong thời gian Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản, Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế chưa triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng thì việc truyền, nhận, hạch toán thông tin thu, nộp NSNN vẫn thực hiện truyền đầy đủ các thông tin trực tiếp từ ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đến ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản và tới KBNN để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu hạch toán thu NSNN của KBNN.

Điều 49. Trách nhiệm thi hành

1. Người nộp thuế, cơ quan thuế, KBNN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức T-VAN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế đảm bảo phù hợp quy định của Luật quản lý thuế và quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

DANH MỤC MẪU BIỂU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
1. Đăng ký sử dụng giao dịch thuế điện tử		
1	01/ĐK-TĐT	Tờ khai đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử
2	02/ĐK-TĐT	Tờ khai đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử
2. Đăng ký giao dịch thuế điện tử qua dịch vụ T-VAN		
3	01/ĐK-T-VAN	Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN
4	02/ĐK-T-VAN	Tờ khai thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN
5	03/ĐK-T-VAN	Tờ khai đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN
3. Thông báo thuế điện tử		
6	01-1/TB-TĐT	Thông báo về việc tiếp nhận <chứng từ điện tử>
7	01-2/TB-TĐT	Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận <chứng từ điện tử>
8	02/TB-TĐT	Thông báo về việc sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế
9	03/TB-TĐT	Thông báo về việc tài khoản giao dịch thuế điện tử
10	04/TB-TĐT	Thông báo về việc đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua NHTM/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
11	05/TB-TĐT	Thông báo về việc xác nhận nộp thuế điện tử
12	06/TB-TĐT	Thông báo về việc đơn đốc nộp hồ sơ khai thuế
4. Kết nối thu nộp thuế điện tử		
13	01/KNNT-TĐT	Công văn về việc đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Thay đổi, bổ sung thông tin đã ký thỏa thuận
14	01/TBKN -TĐT	Thông báo về việc hồ sơ đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đảm bảo/không đảm bảo kết nối/bổ sung thông tin hồ sơ đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

					<Nộp thuế>
					<Hoàn thuế>
					<Miễn, giảm thuế>
					...

2. Thông tin đăng ký tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

3. Thông tin đăng ký địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Đăng ký thuế>
			<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
			<Miễn, giảm thuế>
			...

4. Thông tin đăng ký số điện thoại:.....

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP/xác thực bằng sinh trắc học thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

1.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Đăng ký thuế>
			<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
			<Miễn, giảm thuế>
			...

2. Thông tin đăng ký số điện thoại di động:.....

Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác của các thông tin đăng ký nêu trên và cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký nêu trên và tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và quản lý, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã được cơ quan thuế cấp theo quy định của pháp luật và các hướng dẫn của cơ quan thuế./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

<Chữ ký số của đại lý thuế>

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

					<Nộp thuế>
					<Hoàn thuế>
					<Miễn, giảm thuế>
				

2. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Thông tin thay đổi, bổ sung	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số
					<Ngừng sử dụng>	
					<Bổ sung>	
					

3. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thông tin thay đổi, bổ sung	Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Ngừng sử dụng>	<Đăng ký thuế>
			<Bổ sung>	<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
			<Miễn, giảm thuế>
		

4. Thông tin số điện thoại đăng ký thay đổi.....

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP/xác thực bằng sinh trắc học thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

1.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thông tin thay đổi, bổ sung	Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Ngày sử dụng>	<Đăng ký thuế>
			<Bổ sung>	<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
			<Miễn, giảm thuế>
		

2. Thông tin số điện thoại di động đăng ký thay đổi:.....

Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác của các thông tin đăng ký nêu trên và cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký nêu trên và tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và quản lý, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã được cơ quan thuế cấp theo quy định của pháp luật và các hướng dẫn của cơ quan thuế./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của đại lý thuế>

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ

Mẫu số: **01/ĐK-T-VAN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

Tổ chức *Cá nhân*

Người nộp thuế đã đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế

Kính gửi: <Tổng cục Thuế>.....

1. Tên người nộp thuế:.....

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Địa chỉ:.....

4. Thông tin về đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Đăng ký <được sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN/được sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đồng thời ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế> với cơ quan thuế, cụ thể như sau:

A. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

<Trường hợp người nộp thuế tích chọn vào mục “Người nộp thuế đã đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế” nêu trên

thì ghi cả 02 thông tin tại mục I và II dưới đây; trường hợp người nộp thuế không tích chọn vào mục “Người nộp thuế đã đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế” nêu trên thì ghi thông tin tại Mục II>

<I. Thông tin đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>:

STT	Thủ tục thuế điện tử đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế	Thời điểm ngừng	Lý do ngừng
	<Đăng ký thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	<Khai thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	<Nộp thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	<Hoàn thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	<Miễn, giảm thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	

<II. Thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN>

1. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Từ ngày	đến ngày	

2. Thông tin đăng ký tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

3. Thông tin đăng ký địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Đăng ký thuế>
			<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
			<Miễn, giảm thuế>
			...

4. Thông tin đăng ký số điện thoại:

B. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN:

- Tên tổ chức: (ghi rõ tên đầy đủ tổ chức).....

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:.....

Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác với các thông tin đăng ký nêu trên và cam kết nhận các phản hồi, quyết định, thông báo và văn bản khác của cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký./.

**TỔ CHỨC CUNG
CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

..., ngày...tháng...năm...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

<Chữ ký số của tổ chức
cung cấp dịch vụ T-VAN>

<Chữ ký số của đại lý thuế>

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

Mẫu số: **02/ĐK-T-VAN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

Thay đổi Bổ sung

Kính gửi: <Tổng cục Thuế>.....

1. Tên người nộp thuế:.....

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ:.....

4. Thông tin về đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin, cụ thể như sau:

1. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thông tin thay đổi, bổ sung	Thủ tục hành chính thuế đăng ký sử dụng
			Từ ngày	đến ngày		
					<Ngừng sử dụng>	
					<Bổ sung>	
				

2. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số	Thông tin thay đổi, bổ sung
						<Ngày sử dụng>
						<Bổ sung>
					

3. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung địa chỉ thư điện tử đăng ký:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thông tin thay đổi, bổ sung	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			<Ngày sử dụng>	<Đăng ký thuế>
			<Bổ sung>	<Khai thuế>
			<Nộp thuế>
			<Hoàn thuế>
		

4. Thông tin số điện thoại đăng ký thay đổi:.....

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai nêu trên là hoàn toàn chính xác và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã khai./.

**TỔ CHỨC CUNG
CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... tháng... năm...
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

<Chữ ký số của tổ chức
cung cấp dịch vụ T-VAN>

<Chữ ký số của đại lý thuế>

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

Mẫu số: **03/ĐK-T-VAN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT- BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN

Kính gửi: <Tổng cục Thuế>.....

1. Tên người nộp thuế:.....

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ:.....

4. Thông tin về đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, cụ thể như sau:

STT	Thủ tục thuế điện tử đăng ký ngừng sử dụng	Thời điểm ngừng	Lý do ngừng
	<Đăng ký thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	<Khai thuế>	<từ ngày..... tháng.... năm.....>	
	

Người nộp thuế cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên./.

**TỔ CHỨC CUNG
CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

<Chữ ký số của tổ chức
cung cấp dịch vụ T-VAN>

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:.....
 Chức chỉ hành nghề số:.....
 <Chữ ký số của đại lý thuế>

..., ngày... tháng... năm...
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

Mẫu số: **01-1/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc tiếp nhận <chứng từ điện tử>

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<Trường hợp 1: tiếp nhận chứng từ điện tử thì ghi:>

Căn cứ <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang cơ quan thuế> lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm....., cụ thể như sau:

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đăng ký thuế thì ghi>:

- Tên hồ sơ <.....>, mẫu <...> và các tài liệu đính kèm.
- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc...giờ...phút ngày...tháng...năm...

Hồ sơ đăng ký thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo không chấp nhận hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này đối với hồ sơ không đầy đủ theo quy định. Trường hợp qua kiểm tra hồ sơ của người nộp thuế đã đầy đủ theo quy định, cơ quan thuế sẽ trả kết quả cho người nộp thuế như sau:

- Tên kết quả: <ghi kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>.
- Thời hạn trả kết quả: <ghi thời hạn trả kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>.
- Địa điểm nhận kết quả: <ghi địa điểm nhận kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC/hồ sơ khai thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế thì ghi:>

- Tên tờ khai/Phụ lục:.....
- Loại tờ khai:.....
- Kỳ tính thuế:.....
- Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....
- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Hồ sơ khai thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là chứng từ nộp NSNN thì ghi:>

- Tên chứng từ nộp NSNN:.....
- Số tham chiếu:...
- Tài khoản trích nợ:..... mở tại *<tên ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán>*

- Tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu:....
- Tên cơ quan thuế quản lý thu:.....
- Tổng số khoản:.....
- Loại tiền:...
- Tổng số tiền nộp NSNN:...

Chứng từ nộp NSNN của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị tra soát thì ghi:>

- Tên hồ sơ đề nghị tra soát:.....
- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đề nghị tra soát của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Hồ sơ đề nghị tra soát sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế thì ghi:>

- Tên hồ sơ <...>:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ <đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế> của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng..... năm.....

Hồ sơ <đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế> sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là văn bản đề nghị xử lý khoản nợ thừa thì ghi:>

- Tên hồ sơ <...>:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ <đề nghị xử lý khoản nợ thừa> của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng..... năm.....

Hồ sơ <đề nghị xử lý khoản nợ thừa> sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ miễn, giảm thuế thì ghi:>

- Tên hồ sơ <.....>, mẫu <...> và các tài liệu đính kèm.

- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ <miễn, giảm thuế> của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm..... Hồ sơ <miễn, giảm thuế...> sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ xử lý nợ thì ghi:>

+ Tên hồ sơ *<xử lý nợ>*:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ *<xử lý nợ>* đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm..... Hồ sơ *<xử lý nợ>* sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian *<nêu thời gian trả thông báo theo từng hồ sơ>* kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ *<xử lý nợ>* của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ thuế khác thì ghi:>

+ Tên hồ sơ:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ *<Tên hồ sơ thuế>* đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày... tháng... năm...

<<Hồ sơ thuế....> sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian <nêu thời gian trả thông báo theo từng hồ sơ> kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ <.....> của người nộp thuế ghi trên Thông báo này>.

<Hoặc hồ sơ <Tên hồ sơ thuế> sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả kết quả cho người nộp thuế như sau:

- Tên kết quả: *<ghi kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>*.

- Thời hạn trả kết quả: *<ghi thời hạn trả kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>*.

- Địa điểm nhận kết quả: *<ghi địa điểm nhận kết quả tương ứng của từng loại hồ sơ>>*.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

+ Tên hồ sơ: *<Liệt kê tất cả thành phần hồ sơ>*

+ Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông *<theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>*:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

<Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông> của người nộp thuế nộp tại <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> đã

được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm..... Hồ sơ sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế điện tử theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

- Tên hồ sơ: <Liệt kê tất cả thành phần hồ sơ>

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông <theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ <miễn, giảm thuế> điện tử theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp tại <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm..... Hồ sơ sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang.

<Trường hợp 2: không tiếp nhận chứng từ điện tử thì ghi:>

Căn cứ <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang cơ quan thuế > lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc không tiếp nhận <chứng từ điện tử> của người nộp thuế, cụ thể như sau:

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC/hồ sơ khai thuế điện tử đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế thì ghi:>

- Tên tờ khai/Phụ lục/hồ sơ khai thuế:.....

- Loại tờ khai:.....

- Kỳ tính thuế:.....

- Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

- Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Trường hợp không tiếp nhận chứng từ điện tử là chứng từ nộp NSNN điện tử thì ghi:>

- Tên chứng từ nộp NSNN:.....

- Tài khoản trích nợ:..... mở tại <tên ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán>

- Tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu:.....

- Tên cơ quan thuế quản lý thu:.....

- Tổng số khoản:.....

- Loại tiền:...

- Tổng số tiền nộp NSNN:...

- Lý do không tiếp nhận cụ thể như sau:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ đề nghị tra soát/hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/vấn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa/hồ sơ miễn, giảm thuế/hồ sơ xử lý nợ/hồ sơ thuế khác:>

- Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

- Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ khai thuế cùng với hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính /hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

- Tên hồ sơ: <Liệt kê tất cả thành phần hồ sơ>

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông <theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>:.....

- Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

Đề nghị <Tên người nộp thuế > điều chỉnh và gửi lại <chứng từ điện tử> theo hướng dẫn nêu trên để được <ghi nhận nghĩa vụ nộp NSNN> theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo đề <Tên người nộp thuế/Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- Lưu: Cổng thông tin điện tử của TCT.

TỔNG CỤC THUẾ

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú:

- Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.
- Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.
- “<Chứng từ điện tử>” tại mẫu biểu này là một trong các hồ sơ sau:
 - + Hồ sơ đăng ký thuế <đăng ký thuế lần đầu/hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động tạm ngừng, kinh doanh trước thời hạn>;
 - + Hồ sơ khai thuế <hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC/hồ sơ khai thuế điện tử đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế>;
 - + Chứng từ nộp NSNN;
 - + Hồ sơ miễn, giảm thuế;
 - + Hồ sơ đề nghị tra soát/hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa;
 - + Hồ sơ xử lý nợ <hồ sơ miễn tiền chậm nộp/không tính tiền chậm nộp/hồ sơ khoan tiền thuế nợ/xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt/gia hạn nộp thuế/nộp dần tiền thuế nợ>;
 - + Hồ sơ thuế điện tử khác;
 - + Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế/hồ sơ miễn, giảm theo cơ chế một cửa liên thông.

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư
số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận <chứng từ điện tử>

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<Trường hợp 1: chấp nhận chứng từ điện tử thì ghi:>

Căn cứ <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang cơ quan thuế> đã được Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm....., mã giao dịch điện tử..... Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang>, cụ thể như sau:

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì ghi:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Thông tin mã định danh khoản phải nộp:

STT	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Số tiền thuế phải nộp	Loại tiền	Ghi chú

Hồ sơ khai thuế (HSKT) của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng..... năm.....

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT của người nộp thuế là ngày <ngày trên Thông báo tiếp nhận mẫu số 01-1/TB-TĐT lần đầu của HSKT điện tử tương ứng. Riêng trường hợp người nộp thuế nộp HSKT bổ sung và trường hợp người nộp thuế nộp HSKT không đúng nghĩa vụ kê khai (tờ khai tháng/quý) thì ngày ghi nhận nghĩa vụ nộp HSKT của người nộp thuế là ngày nộp thực tế của HSKT trên Thông báo tiếp nhận mẫu số 01-1/TB-TĐT tương ứng>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ khai thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế thì ghi:>

- + Tên tờ khai/Phụ lục:.....
- + Loại tờ khai:.....
- + Kỳ tính thuế:.....
- + Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....
- + Thông tin mã định danh khoản phải nộp:

STT	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Số tiền thuế phải nộp	Loại tiền	Ghi chú

Hồ sơ khai thuế (HSKT) của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ cho người nộp thuế qua <Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị tra soát thì ghi:>

Hồ sơ đề nghị tra soát của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị tra soát cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế thì ghi:>

Hồ sơ <đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế...> của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm...

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là văn bản đề nghị xử lý khoản nợ thừa thì ghi:>

<Văn bản đề nghị xử lý khoản nợ thừa> của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết văn bản đề nghị xử lý khoản nợ thừa cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ miễn, giảm thuế thì ghi:>

Hồ sơ <miễn, giảm thuế...> của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra thực tế hoặc cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị miễn giảm thuế cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ xử lý nợ thì ghi:>

Hồ sơ <xử lý nợ> điện tử của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra thực tế hoặc cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ trả kết quả cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn nộp hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ thuế khác thì ghi:>

Hồ sơ <.....> điện tử của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ trả kết quả cho người nộp thuế qua <Công thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn nộp hồ sơ>.

<Trường hợp chấp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

- Tên hồ sơ: <Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông>

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông <Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>:.....

Hồ sơ của người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang đã được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày... tháng.... năm.....

Thời gian hạn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ trả kết quả cho người nộp thuế qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>.

<Trường hợp chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ miễn, giảm thuế theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

- Tên hồ sơ:.....

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông <theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>:.....

Hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang đã được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hạn trả kết quả giải quyết: <nêu thời hạn trả kết quả kể từ ngày nhận đủ hồ sơ>.

Cơ quan thuế sẽ trả kết quả cho người nộp thuế qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>.

Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra thực tế hoặc cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/người nộp thuế>.

<Trường hợp 2: không chấp nhận hồ sơ thì ghi:>

Căn cứ <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang cơ quan thuế> đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm.....,

mã giao dịch điện tử..... Cơ quan thuế thông báo về việc không chấp nhận <chứng từ điện tử> của <người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang>, cụ thể như sau:

<Trường hợp không chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế thì ghi:>

- Tên hồ sơ <.....>, mẫu <...> và các tài liệu đính kèm.
- Lý do không chấp nhận cụ thể như sau:

STT	Tên hồ sơ	Mẫu số	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý

Đề nghị người nộp thuế hoàn thiện và nộp lại hồ sơ khác <qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn nộp hồ sơ> để thay thế cho hồ sơ đã nộp có sai sót đã gửi đến cơ quan thuế theo hướng dẫn nêu trên. Cơ quan thuế sẽ giải quyết hồ sơ khi người nộp thuế nộp hồ sơ đầy đủ theo Thông báo này.

<Trường hợp không chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC/hồ sơ khai thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế thì ghi:>

- Tên tờ khai/Phụ lục:.....
- Loại tờ khai:.....
- Kỳ tính thuế:.....
- Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....
- Lý do không chấp nhận cụ thể như sau:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Trường hợp không chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ đề nghị tra soát/Hồ

sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/Vấn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa/hồ sơ miễn, giảm thuế/ hồ sơ xử lý nợ/hồ sơ thuế khác thì ghi:>

- Tên hồ sơ:.....

- Lý do không chấp nhận cụ thể như sau:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Trường hợp không chấp nhận chứng từ điện tử là hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế/hồ sơ miễn giảm theo cơ chế một cửa liên thông của người nộp thuế nộp qua <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> thì ghi:>

- Tên hồ sơ: <Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế/hồ sơ miễn, giảm theo cơ chế một cửa liên thông>.

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông <theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018>:.....

+ Lý do không chấp nhận cụ thể như sau:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<nhóm lỗi> (<tên lỗi>)		

<Đối với người nộp thuế thì ghi:>

Đề nghị <Tên người nộp thuế> điều chỉnh và gửi lại <chứng từ điện tử> theo hướng dẫn nêu trên để được <ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ thuế/giải quyết hồ sơ thuế> theo quy định (trừ hồ sơ đăng ký thuế).

<Đối với hồ sơ gửi theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ghi:>

Đề nghị <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> yêu cầu người nộp thuế điều chỉnh và gửi lại <Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế/hồ sơ miễn, giảm theo cơ chế một cửa liên thông> theo hướng dẫn nêu trên để cơ quan thuế

giải quyết theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo đề <Tên người nộp thuế/Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- Lưu: Công thông tin điện tử của TCT.

TỔNG CỤC THUẾ

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú:

- Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.
- Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.
- “<Chứng từ điện tử>” tại mẫu biểu này là một trong các hồ sơ sau:
 - + Hồ sơ đăng ký thuế <đăng ký thuế lần đầu/hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động tạm ngừng, kinh doanh trước thời hạn>;
 - + Hồ sơ khai thuế <hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC/hồ sơ khai thuế điện tử đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế>;
 - + Hồ sơ miễn, giảm thuế;
 - + Hồ sơ đề nghị tra soát/hồ sơ đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa;
 - + Hồ sơ xử lý nợ <hồ sơ miễn tiền chậm nộp/không tính tiền chậm nộp/hồ sơ khoan tiền thuế nợ/xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt/gia hạn nộp thuế/nộp dần tiền thuế nợ>;
 - + Hồ sơ thuế điện tử khác;
 - + Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế/hồ sơ miễn, giảm theo cơ chế một cửa liên thông.

Mẫu số: **02/TB-TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Điều 9 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<Thông báo về sự cố kỹ thuật>

Do sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế, Tổng cục Thuế thông báo tạm dừng việc nhận chứng từ điện tử của người nộp thuế từ... ngày... tháng... năm.... Cơ quan thuế đang cố gắng khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất. Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan thuế sẽ có thông báo cho người nộp thuế biết.

<Trường hợp thông báo sự cố kỹ thuật đã được khắc phục>

Ngày... tháng... năm... cơ quan thuế có Thông báo số...../TB-TĐT thông báo cho người nộp thuế về sự cố *<kỹ thuật Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>*. Đến nay, sự cố đã được khắc phục. Người nộp thuế có thể tiếp tục thực hiện các giao dịch điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định.

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với *<Tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ>* để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

-<Người nộp thuế>;
 - Lưu: Cổng thông tin
 điện tử của TCT.

TỔNG CỤC THUẾ

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Mẫu số: **03/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc tài khoản giao dịch thuế điện tử

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<1. Trường hợp đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN> của người nộp thuế.

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Mã giao dịch điện tử:.....

Xét điều kiện thực hiện và cam kết của người nộp thuế.

<1.1. Trường hợp chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Cơ quan thuế chấp nhận đề nghị về việc <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN> của người nộp thuế kể từ... giờ.... phút.... giây ngày... tháng... năm....., cụ thể như sau:

<1.1.1. Trường hợp đăng ký giao dịch với cơ quan thuế lần đầu>

< Trường hợp người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì ghi: “thông tin về tài khoản; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống”>.

< Trường hợp người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì ghi: “thông tin về tài khoản, mật khẩu để thực hiện tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống”>.

Lưu ý:

- Người nộp thuế có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan thuế khi phát hiện hoặc nghi ngờ có hiện tượng truy cập và sử dụng trái phép dịch vụ thuế điện tử hoặc nghi ngờ thông tin đăng nhập không còn bảo mật hoặc bị mất thiết bị xác thực.

- Người nộp thuế cần thận trọng, hạn chế dùng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng để truy cập vào hệ thống thuế điện tử.

- Thoát khỏi hệ thống thuế điện tử khi không sử dụng.

- Không đặt tùy chọn của trình duyệt Web cho phép lưu lại tên và mật khẩu người dùng.

<1.1.2. Trường hợp người nộp thuế đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử thì ghi các thông tin đã chấp nhận>.

<1.2. Trường hợp không chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Cơ quan thuế không chấp nhận đề nghị về việc <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử> của người nộp thuế.

Lý do: <Lý do không chấp nhận>

<2. Trường hợp cơ quan thuế gửi thông báo về việc ngừng giao dịch điện tử của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN:>

Cơ quan thuế thông báo về việc Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế kể từ... giờ.... phút.... giây ngày... tháng... năm...

Lý do: <Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký/doanh nghiệp bị giải thể/chấm dứt tồn tại theo Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh/tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khác đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế.....>

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế> để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- Lưu: Cổng thông tin điện tử của TCT.

TỔNG CỤC THUẾ

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ. Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **04/TB -TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB -....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua NHTM/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

<1. Trường hợp chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Vào... giờ... phút... giây, ngày...../...../....., <Tên người nộp thuế>, <Mã số thuế> đã được <Tên ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.....> chấp nhận đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua <Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán>, thông tin chi tiết như sau:

1. Thông tin tài khoản, chứng thư số đăng ký thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Tên tổ chức chứng thực chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số	
					Từ ngày	đến ngày

2. Địa chỉ thư điện tử để nhận thông báo, phản hồi của <Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán>:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Ghi chú
1			<i>Địa chỉ thư điện tử chính thức</i>
2			<i>Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo thủ tục nộp thuế điện tử</i>

3. Số điện thoại:.....

Để sử dụng dịch vụ, người nộp thuế truy cập theo đường dẫn: <đường dẫn>

<2. Trường hợp không chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

<Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.....> không chấp thuận đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử thông qua tài khoản của <Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.....>

Lý do: <Lý do không chấp nhận>.

<Ngân hàng/Tổ chức.....> thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;

- Lưu:.....

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC....

<Chữ ký số của Ngân hàng/Tổ chức>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ. Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **05/TB -TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-<NH/Tổ chức>

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc xác nhận nộp thuế điện tử

Vào <... giờ... phút... giây, ngày.... tháng... năm...>, <Ngân hàng/Tổ chức.....> thông báo trạng thái thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Số tham chiếu	
2	Mã hiệu chứng từ	
3	Số chứng từ nộp NSNN	
4	Tài khoản trích Nợ	
5	Nộp cho KBNN	
6	Ngày gửi GNT	
7	Ngày nộp thuế điện tử	
8	Tổng số khoản	
9	Loại tiền	
10	Tổng số tiền nộp NSNN	
11	Trạng thái	
12	Lý do <trường hợp không thành công>	

Để tra cứu thông tin đã nộp thuế điện tử nói trên, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <đường dẫn>.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;

- Lưu:.....

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC...

<Chữ ký số của Ngân hàng/Tổ chức>

Ghi chú: Các nội dung ở trong dấu <> chỉ là ví dụ hoặc giải thích.

Mẫu số: 06/TB-TĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số: .../TB-TĐT

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc đơn đốc nộp hồ sơ khai thuế

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế, mã số thuế> được biết: Tính đến ngày..... tháng..... năm....., cơ quan thuế chưa nhận được các hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cụ thể như sau:

Số TT	Loại thuế	Ký hiệu mẫu hồ sơ khai thuế	Kỳ tính thuế	Hạn nộp	Số ngày quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Đề nghị <Tên người nộp thuế> nộp các hồ sơ khai thuế còn thiếu nói trên cho cơ quan thuế. <Tên người nộp thuế> phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo các quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

Trường hợp cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:

<Tên cơ quan thuế, bộ phận người nộp thuế có thể liên hệ>

Địa chỉ: <số nhà, đường phố...>:

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Xin vui lòng bỏ qua thông báo này nếu trường hợp tại thời điểm nhận được thông báo này người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế.

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết, thực hiện..!.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;

-

- Lưu:....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
<Chữ ký số của người có thẩm quyền
và chữ ký số của cơ quan thuế>

Họ và tên

Ghi chú: Các nội dung ở trong dấu <> chỉ là ví dụ hoặc giải thích.

Mẫu số: **01/KNNT-TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:...../VB-ĐN

Về việc <đề nghị kết nối với Công
 thông tin điện tử của Tổng cục
 Thuế/Thay đổi, bổ sung thông tin
 đã ký thỏa thuận>

Kính gửi: Tổng cục Thuế

<1. Trường hợp đề nghị kết nối với Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>

Căn cứ <Quy định của NHNN; Quy định về giao dịch điện tử; Quy định về
 thu, nộp NSNN; Quy định về quản lý thuế... hiện hành>

Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế trên trang thông
 tin điện tử (.....); Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cập nhật đến
 ngày...../...../.....

<Tên ngân hàng/tổ chức> nhận thấy có thể đáp ứng các quy định và tiêu
 chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế, cụ thể:

.....

Bằng văn bản này, <Tên ngân hàng/tổ chức> đề nghị Tổng cục Thuế thực
 hiện kiểm tra các tài liệu, hồ sơ gửi kèm theo để có thông báo cho chúng tôi về
 việc hồ sơ đảm bảo hoặc chưa đảm bảo các điều kiện về kết nối với Công thông tin
 điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp Tổng cục Thuế cần bổ sung thông tin, đề nghị liên hệ với:

- Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ thư điện tử:
- Số điện thoại liên hệ:

<Tên ngân hàng/tổ chức> cam kết tuân thủ các quy định, quy trình trong việc thực hiện phối hợp thu NSNN.

<2. Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin đã ký thỏa thuận>

Căn cứ văn bản thỏa thuận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế <Số/ngày văn bản thỏa thuận>, <Tên ngân hàng/tổ chức> có thay đổi, bổ sung một số thông tin cụ thể:

.....
.....

Bằng văn bản này, <Tên ngân hàng/tổ chức> đề nghị Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra các tài liệu, hồ sơ gửi kèm theo để thực hiện các thủ tục cập nhật thông tin hoặc ký thỏa thuận bổ sung.

Trường hợp Tổng cục Thuế cần bổ sung thông tin, đề nghị liên hệ với:

- Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ thư điện tử:
- Số điện thoại liên hệ:

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- Lưu:.....

NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC.....

<Chữ ký số của Ngân hàng/Tổ chức>

Ghi chú: Các nội dung ở trong dấu <> chỉ là ví dụ hoặc giải thích. Chọn trường hợp 1 hoặc 2.

Mẫu số: **01/TBKN -TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc <hồ sơ đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đảm bảo/không đảm bảo kết nối/bổ sung thông tin hồ sơ đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế>

Căn cứ <Quy định của NHNN; Quy định về giao dịch điện tử; Quy định về thu, nộp NSNN; Quy định về quản lý thuế... hiện hành>

Căn cứ văn bản kết nối với Cổng thông tin điện tử <Số/ngày văn bản đề nghị, văn bản bổ sung thông tin> của <Tên ngân hàng/tổ chức> và hồ sơ, tài liệu chứng minh (nếu có) về việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế.

Tổng cục Thuế thông báo cụ thể như sau:

<1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo kết nối>

1. Hồ sơ đề nghị kết nối của <Tên ngân hàng/tổ chức> với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Đề nghị <Tên ngân hàng/tổ chức> phối hợp với Tổng cục Thuế để thực hiện thủ tục kết nối kỹ thuật theo quy định.

3. Đầu mối của Tổng cục Thuế thực hiện trao đổi, phối hợp:

- Ông/Bà:

- Chức vụ:

- Địa chỉ thư điện tử:

- Số điện thoại liên hệ:

<2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo kết nối>

1. Hồ sơ đề nghị kết nối của <Tên ngân hàng/tổ chức> với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Lý do cụ thể về việc chưa đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật: <.....>

3. Trường hợp cần làm rõ thông tin, đề nghị <Tên ngân hàng/tổ chức> liên hệ trực tiếp với Tổng cục Thuế theo <Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại> để biết thêm thông tin chi tiết.

<3. Trường hợp bổ sung thông tin>

Trong quá trình kiểm tra hồ sơ đề nghị kết nối của <Tên ngân hàng/tổ chức> với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, để đảm bảo thông tin xác định điều kiện đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối, đề nghị đơn vị bổ sung một số thông tin như sau: <Danh mục nội dung cần bổ sung thông tin>

Tổng cục Thuế thông báo đề <Tên ngân hàng/tổ chức> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;

-

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

<Chữ ký số của người có thẩm quyền
và chữ ký số của cơ quan thuế>

Họ và tên

Ghi chú: Các nội dung ở trong dấu <> chỉ là ví dụ hoặc giải thích. Chọn trường hợp 1; hoặc 2; hoặc 3 theo kết quả xử lý.